

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Bình Sơn năm 2021. kế hoạch năm 2022 thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Kính gửi:

- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Thực hiện Công văn 5323/UBND-TH ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Qua một năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Bình Sơn năm 2021, UBND huyện Bình Sơn báo cáo kết quả thực hiện, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 9 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2021

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Năm 2021, trong quá trình chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện, UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện đạt kết quả như sau:

Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 24/8/2021 của UBND huyện về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020;

Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 09/9/2021 của UBND huyện về việc thực hiện tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025;

Quyết định số 1777/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND huyện Bình Sơn phê duyệt danh sách và phân bổ kinh phí để hỗ trợ tiền điện đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội 5 tháng đầu năm 2021;

Công văn số 1650/UBND-VX ngày 17/6/2021 của UBND huyện Bình Sơn, về việc thực hiện chính sách BHYT theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Công văn số 1901/UBND-VX ngày 07/7/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021;

Công văn số 2683/UBND-VX ngày 30/8/2021 của UBND huyện về việc báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020;

Công văn số 2800/UBND-VX ngày 10/9/2021 của UBND huyện về việc hướng dẫn tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ; rà soát hộ nghèo, cận nghèo thường xuyên và xác định hộ có mức sống trung bình theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 – 2025.

Bên cạnh việc ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu năm 2021, UBND huyện đã tổ chức nhiều cuộc họp kiểm tra kết quả thực hiện của các cơ quan, phòng, ban huyện và UBND các xã, thị trấn.

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (*cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia*) đã tham mưu cho UBND huyện nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành góp phần hoàn thành các chỉ tiêu giảm nghèo năm 2021.

Các phòng, ban, ngành huyện đã tích cực tham mưu cho UBND huyện triển khai thực hiện tốt các nội dung Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Phòng Tài chính - Kế hoạch đã kịp thời tham mưu cho UBND huyện phân khai vốn cho từng hạng mục; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tích cực thẩm định và triển khai các Dự án; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện tham mưu ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện.

Bên cạnh các chính sách thuộc khung Chương trình mục tiêu quốc gia mục tiêu giảm nghèo bền vững, các chính sách giảm nghèo chung, các phòng, ban chức năng đã hướng dẫn các xã, thị trấn tổ chức thực hiện tốt các chính sách về an sinh xã hội.

Cùng với công tác triển khai thực hiện của các cấp chính quyền từ huyện đến xã, thị trấn, UBMTTQVN và các hội đoàn thể cùng cấp đã tích cực vào cuộc mạnh mẽ, vận động hội viên, đoàn viên giúp nhau trong thực hiện giảm nghèo bền vững, chung sức xây dựng nông thôn mới, tiếp tục tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân phong trào thi đua “*Bình Sơn chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau*”; triển khai, tổ chức kiểm tra, giám sát cộng đồng trong quá trình thực hiện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Chính sách hỗ trợ về giáo dục

Năm 2021 số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập 18 lượt, số tiền 119.120.000 đồng.

Ngoài ra, Hội Khuyến học các cấp từ huyện đến cơ sở và các hội đoàn thể huyện thường xuyên hỗ trợ cho trẻ em nghèo hiếu học, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn với kinh phí hàng trăm triệu đồng.

2. Chính sách hỗ trợ làm nhà ở theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg

- Năm 2021 không có hộ nghèo vay vốn xây dựng nhà ở theo Quyết định 33/2015.

- Quỹ “Vì người nghèo” năm 2021 đã triển khai vận động được 2.091 triệu đồng. Trong đó: từ nguồn kinh phí trên, cấp huyện đã hỗ trợ xây mới 25 ngôi nhà, sửa chữa 09 nhà 1.210 triệu đồng; hỗ trợ 56 suất sinh kế 750 triệu đồng; hỗ trợ 35 trường hợp ốm, đau 70 triệu đồng; hỗ trợ các hộ nghèo khó khăn nhân dịp lễ, tết và tháng cao điểm “Vì người nghèo” 106 suất số tiền 61 triệu đồng, với tổng số tiền 2.091 triệu đồng.

3. Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, đối tượng yếu thế

Chính sách mua bảo hiểm y tế cho người nghèo, người cận nghèo, DTTS và người sống ở xã đặc biệt khó khăn, người thuộc hộ gia đình nông, lâm ngư, diêm nghiệp có mức thu nhập trung bình. Năm 2021 đã cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 96.499 đối tượng, tổng kinh phí dự kiến thực hiện 77.500.775 triệu đồng.

Hỗ trợ tiền điện cho 3.391 lượt đối tượng là hộ nghèo, hộ chính sách xã hội với kinh phí 2.247.300 triệu đồng.

Trợ cấp xã hội theo Nghị định 136/NĐ-CP và Nghị định 20/NĐ-CP tính đến ngày 01/10/2021 đã chi trả cho 11.344 đối tượng với tổng kinh phí 49.152.860.000 đồng.

Hỗ trợ người nghèo, người cận nghèo và các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Nghị định 68/NĐ-CP của chính phủ gồm 178 đối tượng, với kinh phí 604.740 triệu đồng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi:

Trên cơ sở thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 HĐND tỉnh và huyện đã ban hành nhiều Nghị quyết chuyên đề; Huyện ủy đã ban hành Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021- 2025 và năm 2021 trên địa bàn huyện là cơ sở pháp lý để thực hiện các chính sách dự án thuộc khung chương trình giảm nghèo bền vững huyện.

Cùng với sự tham gia tích cực, có trách nhiệm của cả hệ thống chính trị từ huyện đến xã, thị trấn tạo được phong trào thi đua giảm nghèo trong toàn huyện theo phương châm phát huy nội lực cộng đồng, các tầng lớp dân cư, kết hợp với sự hỗ trợ của nhà nước, thu hút sự tham gia của toàn xã hội, các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức kinh tế, lực lượng vũ trang. Cùng với đó huyện đã ban hành Kế hoạch thực hiện Phong trào “*Bình Sơn chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*”, đã khơi dậy ý chí tự lực, tự cường phấn đấu

vươn lên trong lao động sản xuất, thoát nghèo bền vững của một bộ phận người nghèo trong toàn huyện.

2. Tôn tại, hạn chế

Nhìn chung các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2021 chưa được quan tâm hơn, vẫn còn chậm so với thời gian triển khai thực hiện, nên hiệu quả đem lại không cao.

Quá trình triển khai thực hiện các hợp phần phát triển sản xuất tuy có thay đổi cách làm nhưng vẫn chưa mạnh, chưa đồng đều, nhất là việc triển khai các dự án nuôi bò, nuôi gà... công tác xuất khẩu lao động tuy có chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn đạt tỉ lệ thấp (*trong đó, số lao động là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài còn hạn chế*).

Công tác kiểm tra, giám sát cộng đồng trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động thuộc hợp phần của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững chưa thực hiện thường xuyên, có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, chưa phát huy hết chức năng và nhiệm vụ Ban Giám sát cộng đồng tại địa phương.

Không có hộ nghèo vay vốn tín dụng để xây dựng nhà ở theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Một bộ phận hộ nghèo còn trông chờ, ỷ lại sự hỗ trợ của nhà nước nên chưa tích cực trong quá trình nỗ lực cố gắng phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

Kết quả tỉ lệ hộ nghèo ở một số địa phương chưa đồng đều, tỉ lệ còn cao so với mặt bằng chung, nhất là các xã bãi ngang ven biển.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan:

Nguồn vốn các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của các xã triển khai chậm, một số xã chưa kịp thời triển khai thực hiện dự án theo quy định.

b) Nguyên nhân chủ quan:

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chưa chủ động chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng kế hoạch, nội dung giám sát cộng đồng trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Chính quyền một số xã chưa thật sự quyết liệt trong chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc trong quá trình thực hiện, nhất là vốn đầu tư công trình cơ sở hạ tầng.

Tính tích cực trong các hộ dân chưa thật sự chuyển biến mạnh, vẫn còn tư tưởng trông chờ vào chính sách hỗ trợ 100% vốn của nhà nước; vẫn còn tình trạng tách hộ để thụ hưởng chính sách giảm nghèo.

B. KẾ HOẠCH NĂM 2022 THỰC HIỆN CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn;

Chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội; đa dạng hóa sinh kế, phát triển sản xuất, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, thu nhập tốt cho người nghèo, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1-1,5%/năm; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm; 30% xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

100% các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, công trình thủy lợi.

Hỗ trợ phát triển các mô hình giảm nghèo để đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm tốt, có thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Hỗ trợ người nghèo phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp.

Phát triển giáo dục nghề nghiệp về quy mô và chất lượng đào tạo cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân sinh sống ở vùng nghèo, vùng khó khăn phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động; gắn kết giáo dục nghề nghiệp với việc làm bền vững cho người nghèo.

Kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, phát triển thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người lao động thuộc các vùng nghèo, vùng khó khăn; hỗ trợ cho người lao động sinh sống trên địa bàn nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Phát triển hệ thống thông tin, viễn thông phục vụ cộng đồng, tăng cường cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội; hỗ trợ người dân sinh sống trên địa bàn nghèo, người nghèo có nhu cầu tiếp cận, sử dụng hiệu quả dịch vụ thông tin, viễn thông phổ cập.

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm vóc của trẻ em 0-16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, xã nghèo, xã khó khăn.

Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các xã nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ người nghèo tự xác định được tình trạng nghèo của hộ gia đình, kết nối với thị trường và nâng cao nhận thức, năng lực vươn lên thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no.

3. Kết quả chủ yếu

a) Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

Phấn đấu giảm 1/2 số hộ nghèo, hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo tiêu chí nghèo đa chiều của quốc gia.

Phấn đấu 30% số xã nghèo, 30% số xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

Hỗ trợ thí điểm, phát triển mô hình giảm nghèo tạo sinh kế, việc làm bền vững, thu nhập tốt, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

Thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình tham gia mô hình giảm nghèo, dự án phát triển sản xuất tăng ít nhất 25%/năm.

Phấn đấu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững.

100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 cùng với hệ thống chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội góp phần giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản:

Chiều thiếu hụt về việc làm: 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi và từ 6-16 tuổi tại các xã nghèo, các xã đặc biệt khó khăn xuống dưới 28% và dưới 20%.

Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo: Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 90%; Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ

cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 25%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

Chiều thiếu hụt về nhà ở: 50% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về nhà ở được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà ở; cơ bản xóa nhà tạm, nhà đơn sơ, thiếu kiên cố đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã nghèo.

Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

Chiều thiếu hụt về thông tin: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn xã nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng trên địa bàn nghèo. Cụ thể:

Hoạt động 01: Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu trên địa bàn xã nghèo (công trình đầu tư liên xã) liên kết vùng phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa, gồm:

- + Các công trình y tế đạt chuẩn quốc gia;
- + Các công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia;
- + Các công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh;
- + Các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân;
- + Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất;
- + Các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao;
- + Các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội khác do cộng đồng nghèo trên địa bàn xã nghèo đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc dân tộc, văn hóa, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi;

Công trình ở cấp xã phải đảm bảo tính kết nối về giao thông, kinh tế, xã hội để hỗ trợ phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa và dịch vụ, cải thiện tiếp cận các dịch vụ cơ bản liên xã, giữa xã với huyện.

Công trình phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh, đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi, ưu tiên các công trình có nhiều người hưởng lợi là người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, dân tộc thiểu số, phụ nữ.

Hoạt động 02: Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo phục vụ sản xuất, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, và dân sinh, gồm:

- + Công trình y tế cấp xã đạt chuẩn quốc gia theo quy định;
- + Công trình, cơ sở vật chất trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia; phòng học kiên cố cho nhà trẻ, lớp mẫu giáo;
- + Công trình phục vụ nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho người dân (nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh: nước máy, nước giếng khoan, nước giếng đào có thành bảo vệ, nước khe mó được bảo vệ);
- + Công trình giao thông đường trục chính, nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện; cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa.
- + Công trình thủy lợi nhỏ do xã quản lý được kiên cố hóa, phục vụ sản xuất, dân sinh.
- + Công trình phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí cho người dân của xã;
- + Các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khác do cộng đồng nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc dân tộc, văn hóa, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi;

Công trình ở cấp xã và thôn bản phải đảm bảo tính kết nối giữa các thôn, giữa các thôn với trung tâm xã để hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hoạt động 03: Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

Hỗ trợ thí điểm, xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình giảm nghèo, dự án giảm nghèo tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch (thông qua các hình thức như hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ tự quản, tổ thoát nghèo, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc mô hình khác) để

tao việc làm, sinh kế bền vững, có thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật. Cụ thể:

Hỗ trợ mô hình cơ sở sản xuất hàng thủ công; cá nhân, cơ sở kinh doanh dịch vụ phân phối hàng hóa, cung ứng đầu vào và đầu ra cho sản phẩm làng nghề nhằm tạo việc làm cho người nghèo.

Ưu tiên hỗ trợ hình thành những mô hình làng nghề du lịch, những điểm và các tuyến du lịch làng nghề, tạo ra những sản phẩm du lịch hấp dẫn, thể hiện bản sắc của từng dân tộc với đặc điểm văn hóa, địa lý, lịch sử, quần thể kiến trúc địa phương trên địa bàn xã nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

Hỗ trợ mô hình sản xuất, kinh doanh, cung ứng trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp nhằm tạo việc làm, sinh kế, tăng thu nhập cho người nghèo, người khuyết tật, người dân sinh sống trên địa bàn nghèo.

Hỗ trợ mô hình hoạt động tiểu thủ công nghiệp, hoạt động dịch vụ phục vụ nông nghiệp nhằm tạo việc làm cho người nghèo, người khuyết tật bao gồm:

+ Mô hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn: Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ ở nông thôn; xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề ở nông thôn.

+ Mô hình sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.

+ Mô hình xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất và đời sống dân cư nông thôn.

Hỗ trợ phát triển các mô hình kinh tế tập thể (bao gồm tổ hợp tác, hợp tác xã) tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập ổn định cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn nghèo, khó khăn. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình do phụ nữ, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số quản lý; ưu tiên hỗ trợ mô hình thuộc lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, phát triển du lịch bản địa.

Mô hình kinh doanh, dịch vụ, sản xuất chế biến quy mô nhỏ ở khu vực đô thị, có lợi cho người nghèo, người khuyết tật (bao gồm cả người nghèo thường trú ở khu vực đô thị và người nghèo từ nơi khác đến sinh sống, làm việc).

Nhân rộng các mô hình, dự án phát triển sản xuất nông nghiệp cho người nghèo, người khuyết tật có hiệu quả phù hợp với điều kiện sinh thái của vùng; các mô hình sản xuất để giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu và các mô hình sản xuất nông nghiệp để đảm bảo an ninh lương thực và dinh dưỡng cho người dân; mô hình giảm nghèo gắn với an ninh quốc phòng.

Hỗ trợ xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin, tìm kiếm thị trường, xây dựng chuỗi giá trị liên kết, kết hợp giữa các xã nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, mô hình giảm nghèo và các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hợp tác xã, hiệp hội kỹ thuật chuyên ngành nông nghiệp, thương mại...

Hỗ trợ một số cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm chuyển giao các thành tựu khoa học, công nghệ, kỹ thuật, sản xuất, mô hình kinh doanh mới hoặc cung cấp, tập huấn, hướng dẫn tài liệu, thông tin về kỹ thuật, sản xuất, thị trường cho các xã nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, mô hình giảm nghèo và người nghèo; hướng dẫn và giúp đỡ các địa bàn nghèo, mô hình giảm nghèo đổi mới kỹ thuật, công nghệ đa dạng hoá sản phẩm, hạ giá thành, nâng sức cạnh tranh.

Hỗ trợ, phát triển một số mô hình giảm nghèo, nâng cao thu nhập, bảo đảm an sinh xã hội đối với người nghèo là đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương, bao gồm mô hình trợ giúp xã hội đối với người nghèo (trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người khuyết tật, người mắc bệnh tâm thần, người cao tuổi); mô hình bảo vệ, chăm sóc trẻ em nghèo; mô hình can thiệp, hỗ trợ người cai nghiện thuộc hộ nghèo, cận nghèo hòa nhập cộng đồng.

Hỗ trợ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh; hỗ trợ người dân sinh sống trên địa bàn nghèo và tổ chức, cá nhân, học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp xây dựng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế cho người nghèo.

Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật, khoa học, công nghệ và mô hình kinh doanh; xây dựng mô hình giảm nghèo, vay vốn tín dụng ưu đãi từ NHCSXH; hỗ trợ trang thiết bị, vật tư, công cụ, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất phục vụ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu; hỗ trợ kinh phí, đặt hàng, giao nhiệm vụ xây dựng, phát triển, nhân rộng mô hình giảm nghèo; và các nội dung hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

Hỗ trợ một phần giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y và hỗ trợ khác.

Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi.

Tập huấn, tư vấn chuyển giao kỹ thuật cho người nghèo: Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý sản xuất, kinh tế của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các nội dung hỗ trợ khác phù hợp với tính chất của hoạt động sinh kế định hướng thị trường; khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia cam kết bao tiêu sản phẩm.

Hỗ trợ việc phát hiện, đánh giá, thử nghiệm, thí điểm các mô hình, giải pháp về phát triển sản xuất nông nghiệp và phát triển chuỗi giá trị mang tính sáng tạo, hiệu quả tại các địa bàn cụ thể vùng và hỗ trợ nhân rộng, thể chế hóa các mô hình, giải pháp đó ở quy mô lớn hơn, ở các địa bàn khác; ưu tiên nhân rộng các mô hình, giải pháp sáng tạo, hiệu quả có sự tham gia tích cực, chủ động

của các địa phương, đối tác phát triển, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cơ quan dịch vụ công, các viện, trường

Hỗ trợ phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm vóc của trẻ em 0-16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo và trẻ em vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn. Trong đó:

+ Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở bà mẹ và trẻ em vùng khó khăn, hộ nghèo và cận nghèo.

+ Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em, thanh thiếu niên và phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ vùng khó khăn, hộ nghèo và cận nghèo.

+ Bảo đảm an ninh thực phẩm và ứng phó về dinh dưỡng với tình huống khẩn cấp cho trẻ em tại vùng khó khăn.

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn; đào tạo kỹ năng nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo

Người học nghề, người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; vùng nghèo, vùng khó khăn.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở vùng nghèo, vùng khó khăn.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Hỗ trợ người lao động thuộc các xã nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo đi làm việc ở nước ngoài.

Hỗ trợ học nghề, ngoại ngữ và giáo dục định hướng để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo; hỗ trợ tiền đi lại trong thời gian tham gia đào tạo, trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; hỗ trợ chi phí khám sức khỏe; làm hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Hỗ trợ giới thiệu, tư vấn về đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động..

Hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Hỗ trợ một phần chi phí đào tạo ngoại ngữ cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo các Chương trình đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn.

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các xã nghèo

Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo để thực hiện xây mới hoặc sửa chữa nhà ở, đảm bảo sau khi được hỗ trợ, các hộ gia đình phải xây dựng được nhà ở mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở đang có, đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m² (đối với những hộ độc thân không nơi nương tựa, có thể xây dựng nhà ở có diện tích sử dụng nhỏ hơn nhưng không thấp hơn 18 m²) và “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng); tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông;

Hỗ trợ hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận thông tin

Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo.

Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở và cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông; các sự kiện truyền thông, vận động xã hội, hội thảo, hội nghị; các tác phẩm truyền hình, phát thanh, báo viết, báo điện tử về giảm nghèo bền vững, về mô hình giảm nghèo, kinh nghiệm, sáng kiến giảm nghèo và gương điển hình vươn lên thoát nghèo.

Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác giảm nghèo; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần “tương thân tương ái” của dân tộc ta đối với người nghèo.

Truyền thông hướng dẫn người nghèo, hộ nghèo có kiến thức, kinh nghiệm trong lao động sản xuất, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của nhà nước và xã hội.

Truyền thông nâng cao nhận thức cho đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương (đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em, phụ nữ bị bạo hành, người khuyết tật, người cao tuổi, người nghiện ma túy và đối tượng khác) để tiếp cận, thụ hưởng các

chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội, khơi dậy ý chí, nỗ lực vượt qua hoàn cảnh khó khăn, vươn lên trong cuộc sống; lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong nội dung truyền thông nhằm giảm định kiến giới, tạo điều kiện cho phụ nữ thoát nghèo.

Tăng cường công tác thông tin, truyền thông và tư vấn chăm sóc dinh dưỡng. Xây dựng, cập nhật, cung cấp công cụ, tài liệu truyền thông dưới nhiều hình thức, ngôn ngữ phù hợp với các vùng, miền, dân tộc cho cơ sở y tế các cấp.

Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản tích cực tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững; tổ chức biên soạn, in ấn và phát hành các sản phẩm thông tin, tuyên truyền về các chính sách, nội dung giảm nghèo.

Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, khơi dậy ý chí tự lực tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng, phấn đấu “Vì một Việt Nam không còn đói nghèo”; biểu dương, khen thưởng đối với các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo phấn đấu và có thành tích thoát nghèo bền vững.

Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông về công tác giảm nghèo đa chiều, giáo dục nghề nghiệp, việc làm, trợ giúp xã hội, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, dinh dưỡng và bình đẳng giới.

Xây dựng, phát triển mạng lưới cán bộ tuyên truyền viên, báo cáo viên về giảm nghèo ở cơ sở.

Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo định kỳ ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở để tăng cường giải thích về chính sách, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách; các hình thức sáng tạo như hội thi, trò chơi, sân khấu hóa để thúc đẩy giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm giữa các thôn, xã thực hiện Chương trình.

Truyền thông, nâng cao khả năng tiếp cận trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng yếu thế; người dân tại vùng nghèo, vùng khó khăn.

Phát triển, tăng cường hoạt động Trang thông tin điện tử về giảm nghèo; xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sản phẩm truyền thông (*nhất là các sản phẩm truyền thông sáng tạo, áp dụng công nghệ thông tin*) về công tác giảm nghèo để thúc đẩy tuyên truyền về chính sách, các mô hình giảm nghèo, thực hành tốt về giảm nghèo, phát huy ý thức tự chủ, vươn lên thoát nghèo.

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

Xây dựng tài liệu đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về giảm nghèo đa chiều, giảm nghèo về thông tin, đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, phát triển sản xuất, trợ giúp xã hội, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, giáo dục nghề nghiệp, lao động, việc làm, chăm sóc dinh dưỡng; ưu tiên

các nội dung giới thiệu về cách tiếp cận, phương pháp và các mô hình giảm nghèo thành công.

Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ làm công tác giảm nghèo về các nội dung:

Đề xuất, lập kế hoạch, tham gia tổ chức thực hiện các dự án xây dựng, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo. Chú trọng tập huấn, bồi dưỡng những nội dung còn yếu, còn thiếu của cán bộ cơ sở, đại diện cộng đồng nhất là các xã còn yếu về năng lực làm chủ đầu tư, về thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù.

Đa dạng hóa sinh kế, phát triển sản xuất, xây dựng và nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo.

Truyền thông về giảm nghèo, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, vươn lên thoát nghèo của người dân; hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ viễn thông, internet để góp phần giảm nghèo về thông tin, tham gia lao động, sản xuất, thoát nghèo bền vững.

Cải thiện dinh dưỡng; chăm sóc, bảo vệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn nghèo, có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

Công tác xã hội với người nghèo và đối tượng yếu thế cho đội ngũ cán bộ, công chức, người làm công tác xã hội; chú trọng tăng cường kiến thức, kỹ năng công tác xã hội, phương pháp quản lý trường hợp nhằm đánh giá nhu cầu, làm rõ nguyên nhân nghèo đói, hỗ trợ người dân xây dựng và thực hiện kế hoạch thoát nghèo bền vững.

Kiến thức, kỹ năng về bình đẳng giới, lồng ghép giới lĩnh trong vực giảm nghèo; chú trọng hỗ trợ kiến thức, kỹ năng cho phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và phụ nữ sinh sống ở vùng nghèo, vùng khó khăn tạo sinh kế, việc làm, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống.

Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước cho các đối tượng trực tiếp thực hiện công tác giảm nghèo; tổ chức hội thảo, hội nghị về giảm nghèo.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

Tổ chức các hoạt động giám sát thường xuyên và định kỳ cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện Chương trình; tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin, đề xuất các phương án phục vụ việc ra quyết định của các cấp quản lý nhằm đảm bảo Chương trình thực hiện đúng mục tiêu, đúng tiến độ, đạt chất lượng và trong khuôn khổ các nguồn lực đã được xác định.

Tổ chức các hoạt động kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất, nhằm kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý Chương trình của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; phát hiện kịp thời những sai sót, yếu kém về quản lý Chương trình theo quy định của pháp luật; kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử

lý những vướng mắc, phát sinh, việc làm sai quy định về quản lý Chương trình; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện.

Tổ chức các hoạt động đánh giá định kỳ theo kế hoạch nhằm xác định mức độ đạt được theo mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể so với quyết định phê duyệt Chương trình. Đánh giá Chương trình bao gồm: Đánh giá đầu kỳ, đánh giá giữa kỳ, và đánh giá cuối kỳ.

Thiết lập quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; mẫu báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, mẫu biểu thu thập thông tin Chương trình.

Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án; xây dựng chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện (*áp dụng công nghệ 4.0, phần mềm ứng dụng trên nền di động*);

Thực hiện chế độ thu thập thông tin, báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, gồm: Chế độ thu thập thông tin và tổng hợp các Biểu mẫu; chế độ báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình;

Xây dựng, thí điểm, tập huấn và vận hành phần mềm giám sát đánh giá, đảm bảo thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin giám sát và đánh giá phục vụ kịp thời cho yêu cầu quản lý Chương trình.

Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho ở địa phương, gồm cả cơ quan chủ trì thực hiện các hoạt động của Chương trình và cơ quan, đơn vị tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình.

Tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình.

Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng về các hoạt động của Chương trình. Tổ chức giám sát phản biện chính sách xã hội của Chương trình.

(Chi tiết phụ lục vốn kèm theo)

III. GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH; CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH; KHẢ NĂNG LỒNG GHÉP, PHỐI HỢP VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHÁC

1. Giải pháp để thực hiện Chương trình

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" của dân tộc ta đối với người nghèo. Khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo,

chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

Đổi mới, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng, phấn đấu “Vì một Việt Nam không còn đói nghèo”.

b) Rà soát, hoàn thiện, cơ chế, chính sách giảm nghèo; đảm bảo Chương trình cùng với hệ thống cơ chế, chính sách giảm nghèo hiện hành thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách giảm nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; đổi mới cách tiếp cận về giảm nghèo, ban hành chính sách hỗ trợ có điều kiện, tăng cường tin dụng chính sách xã hội cho người nghèo. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của các hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi. Đẩy mạnh thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, tăng cường kết nối vùng đã phát triển với vùng khó khăn; có chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư ở những địa bàn khó khăn, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh.

c) Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo, huy động tối đa các nguồn lực xã hội tham gia công tác giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và tăng cường các nguồn huy động đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

2. Cơ chế, chính sách áp dụng đối với Chương trình

a) Về cơ chế, chính sách giảm nghèo

Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo như hộ nghèo sau 03 năm kể từ thời điểm hộ gia đình thoát nghèo; mở rộng đối tượng, phạm vi, tăng mức vay vốn tín dụng cho người nghèo; xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích hộ thoát nghèo bền vững và cơ chế hỗ trợ các địa bàn nghèo, đặc biệt khó khăn thực hiện hiệu quả Chương trình.

Phân công trách nhiệm cụ thể cho cấp ủy, đơn vị phụ trách hỗ trợ, giúp đỡ địa bàn nghèo, có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; phân công đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo.

Tăng cường cơ chế, chính sách hỗ trợ có điều kiện, giảm dần chính sách cho không, lấy sự phát triển của người nghèo, cộng đồng nghèo làm trung tâm trong các chương trình, dự án giảm nghèo; kết nối giữa sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm thông qua ứng dụng công nghệ thông tin vùng nghèo, vùng khó khăn.

Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành từ việc xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; lập bản đồ nghèo; hỗ trợ kết nối giữa người nghèo, địa bàn nghèo với thị trường, doanh nghiệp trong việc thực hiện đào tạo nghề, tạo việc làm, tiêu thụ sản phẩm.

Thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng với các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ tự quản và các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện mô hình giảm nghèo nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập cho người nghèo.

b) Cơ chế huy động và sử dụng vốn

- Vốn thực hiện Chương trình từ các nguồn:

+ Vốn ngân sách Trung ương (vốn đầu tư, vốn sự nghiệp, vốn ODA và viện trợ) và vốn lồng ghép từ các nguồn khác.

+ Vốn ngân sách địa phương (cấp tỉnh, huyện, xã).

+ Vốn tín dụng chính sách tại Ngân hàng chính sách xã hội và các nguồn vốn tín dụng trong nước khác.

+ Vốn từ các doanh nghiệp.

+ Vốn huy động từ cộng đồng (bao gồm cả tiền, hiện vật, đất đai, ngày công lao động quy thành tiền) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Các địa phương và các đơn vị được thụ hưởng kinh phí Chương trình chủ động sử dụng ngân sách đầu tư của địa phương trong cân đối trung hạn 2021-2025 để thực hiện các dự án, tiểu dự án; bố trí vốn đối ứng, chủ động lồng ghép nguồn vốn để hoàn thành mục tiêu tổng thể, nhưng phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các mục tiêu của chương trình, dự án theo nguồn vốn được hỗ trợ; chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả kinh phí dự án được phân bổ hằng năm theo quy định hiện hành; báo cáo tình hình thực hiện dự án và mức bổ sung kinh phí cho cơ quan quản lý.

Có cơ chế lồng ghép các nguồn lực thực hiện Chương trình phù hợp với địa phương, từ đó nâng cao hiệu quả lồng ghép, đảm bảo không chồng chéo, lãng phí nguồn lực và góp phần theo dõi chính xác kết quả đạt được của từng dự án, chương trình.

Có cơ chế đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để thực hiện Chương trình; quy định phương pháp, nguyên tắc xác định tỷ lệ vốn đối ứng thống nhất trong Chương trình, gắn với kết quả đầu ra; tăng cường huy động đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia của người dân, đối tượng thụ hưởng.

Tăng cường các hình thức hợp tác công tư và xã hội hóa để thu hút đầu tư vào các mục tiêu của Chương trình.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ở các cấp, giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Bình Sơn năm 2021; Kế hoạch năm 2022 thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTHU, TTHĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- MTTQ và các tổ chức CT-XH huyện;
- Các phòng, ban thuộc huyện;
- Ban Chỉ đạo các CTMT huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- VPH: CVP, PCVP, CVTH, NNNT, VX;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Quang Sự